

Số: 4002 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương hướng, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2015, định hướng đến 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 01/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn sau 2020; Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 15/10/2009 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 07/2011/QĐ-TTg ngày 25/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 09/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 8/7/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 1849/VPCP-KTN ngày 8/3/2013 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải giao Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng Bắc Trung bộ - Duyên hải Miền Trung giai đoạn 2012- 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại Tờ trình số 11/TTr-TCĐBVN ngày 06/02/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương hướng, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (KCHTGT) vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Định hướng phát triển KCHTGT vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung phù hợp với định hướng, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội vùng; chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia, địa phương.

- Đầu tư KCHTGT vùng phải đi trước một bước, nhanh chóng hình thành hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của vùng, hội nhập mạnh hơn với cả nước, với khu vực và quốc tế trên cơ sở lựa chọn những công trình trọng điểm, mang tính

động lực và sắp xếp thứ tự ưu tiên phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn trong dân, các nguồn vốn hợp pháp khác trong và ngoài nước để đầu tư KCHTGT vùng.

2. Định hướng phát triển KCHTGT vùng đến năm 2020

Tập trung nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông huyết mạch kết hợp xây dựng mới một số công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia; giai đoạn 2015 - 2020 hoàn chỉnh, hiện đại hoá và tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo vận tải tối ưu. Mục tiêu phát triển từng ngành như sau:

- Đường bộ:

Nâng cấp và đầu tư xây dựng các quốc lộ, đường tỉnh huyết mạch, có nhu cầu vận tải lớn, đặc biệt trục dọc như Quốc lộ 1, các trục ngang nối các tỉnh trong vùng và nối với vùng khác trong cả nước.

Phát triển giao thông nông thôn đáp ứng tiêu chí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng "Nông thôn mới". Phân đầu 100% đường huyện, tối thiểu 70% đường xã được cứng hóa bằng nhựa hoặc bê tông xi măng; đường huyện đạt tối thiểu đạt cấp V, đường xã đạt tối thiểu cấp VI. Hệ thống cầu cống trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Tối thiểu 50% đường thôn xóm được cứng hóa, đạt loại A trở lên; 50% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, phương tiện cơ giới đi lại thuận tiện.

- Đường sắt:

Tập trung, ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có với tốc độ bình quân 80-90 km/h đối với tàu khách, 50-60 km/h đối với tàu hàng. Tiếp tục nghiên cứu các phương án khả thi để có kế hoạch đầu tư xây dựng đường sắt mới khổ 1.435 mm.

Huy động các nguồn lực xây dựng đường sắt quốc gia kết nối đến cảng biển, khu công nghiệp, khu mỏ và trung tâm du lịch lớn.

Tiếp tục đầu tư đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường thủy nội địa:

Cải tạo luồng tuyến đường thủy nội địa gắn liền với việc chỉnh trị bãi cạn cửa sông. Nâng cao chiều dài các tuyến sông được đưa vào khai thác vận tải.

- Hàng không:

Duy trì, đầu tư để khai thác có hiệu quả các cảng hàng không, sân bay: Chu Lai, Cam Ranh, Phú Bài, Vinh, Tuy Hoà, Phù Cát, Đồng Hới, Thọ Xuân. Huy động vốn trong nước để đầu tư xây dựng các sân bay theo quy hoạch: Phan Thiết, Quảng Trị.

- Đường biển:

Phát triển cảng biển vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đồng bộ, hài

hòa giữa các cảng, bến cảng để phục vụ và làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh; kịp thời đáp ứng cho sự hình thành và phát triển của các khu kinh tế trọng điểm, các cơ sở công nghiệp tập trung; kết hợp thu hút và đáp ứng nhu cầu vận tải biển của Lào.

- Giao thông đô thị:

Quy hoạch, phát triển giao thông đô thị phù hợp với không gian, kiến trúc đô thị; đảm bảo tính thống nhất, cân đối, đồng bộ, liên hoàn với mạng lưới giao thông vận tải của vùng, quốc gia và quốc tế. Phần đầu đạt quỹ đất từ 16% - 26% đất dành cho giao thông đô thị.

3. Kế hoạch thực hiện

3.1. Giai đoạn 2013 - 2015:

a) Đường bộ:

* Quốc lộ:

- Quốc lộ 1: Triển khai xây dựng và phần đầu hoàn thành phần lớn dự án mở rộng Quốc lộ 1 từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận, trong đó có hầm đường bộ qua đèo Phú Gia, Phước Tượng và dự án Đèo Cả.

- Quốc lộ 7: Hoàn thành nâng cấp các đoạn Tây Đô Lương - Nậm Cắn và đoạn nối từ Diễn Châu - Bãi biển Diễn Thành.

- Quốc lộ 8: Hoàn thành cải tạo nâng cấp đoạn Km0 - Km34 và một phần đoạn Km37 - Km85+300.

- Quốc lộ 12A: Hoàn thành xây dựng nâng cấp các đoạn Rào Trỏ - Xóm Sung, Khe Ve - Cha Lo và đoạn tránh nhà máy xi măng sông Gianh.

- Quốc lộ 12C: Hoàn thành xây dựng nâng cấp đoạn Vũng Áng - Quốc lộ 1.

- Quốc lộ 15: Hoàn thành xây dựng cầu Linh Cảm; đoạn nối thành phố Hà Tĩnh - Phúc Đồng, đường Hồ Chí Minh; một phần Tiểu dự án 2 đoạn tránh ngập thủy điện Hồi Xuân thuộc dự án Quốc lộ 15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa; một phần đoạn qua khu di tích Trùng Bôn.

- Quốc lộ 45: Hoàn thành nâng cấp cải tạo Km80+656 - Km111+400 và đoạn Km47 - Km51.

- Quốc lộ 46: Hoàn thành đoạn kéo dài tránh thành phố Vinh nối Quốc lộ 1 (Nghệ An).

- Quốc lộ 47: Hoàn thành nâng cấp đoạn Km0 - Km19+900 và một phần đoạn Km19+900 - Km31+260.

- Đường Nghi Sơn - Bãi Trành: Hoàn thành nâng cấp, xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, 2 làn xe.

- Quốc lộ 10: Hoàn thành nâng cấp đoạn Ninh Phúc - cầu Diên Hộ.

- Quốc lộ 49: Hoàn thành nâng cấp đoạn Km65 - Km78.

- Quốc lộ 49B: Hoàn thành mở rộng nâng cấp một phần đoạn Km73+400 - Km93+200.

- Quốc lộ 14B: Tiếp tục huy động các nguồn lực để hoàn thành Quốc lộ 14B giai đoạn 2.

- Quốc lộ 14G: Tiếp tục huy động các nguồn lực để triển khai xây dựng mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 14G.

- Quốc lộ 14E: Hoàn thành cải tạo nâng cấp đoạn Km8+700 - Km89+432 (Quảng Nam) và tiếp tục huy động các nguồn lực để triển khai các đoạn còn lại.

- Quốc lộ 14D: Tiếp tục huy động các nguồn lực để triển khai xây dựng mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 14D.

- Quốc lộ 24: Hoàn thành nâng cấp đoạn Km0 - Km32 và đoạn tránh đèo Măng Đen.

- Quốc lộ 25: Hoàn thành nâng cấp đoạn Km21+600 - Km113.

- Quốc lộ 28: Kiên cố hóa chống sụt trượt khắc phục hậu quả bão lũ.

- Quốc lộ 1D: Hoàn thành nâng cấp mở rộng đoạn Ngã Ba Phú Tài - bến xe liên tỉnh.

- Quốc lộ 1C: Hoàn thành nâng cấp đoạn qua đèo Rù Rì.

- Quốc lộ 55: Hoàn thành nâng cấp đoạn Km96+300 - Km205+140.

- Đường Lương Sơn - Đại Ninh: Hoàn thành nâng cấp, cải tạo nối tỉnh Bình Thuận với Lâm Đồng.

* Đường bộ cao tốc:

- Triển khai xây dựng các đoạn cao tốc Bắc - Nam dài khoảng 215 km, gồm:

+ La Sơn - Túy Loan, dài 84 km.

+ Đà Nẵng - Quảng Ngãi, dài 131 km.

- Hoàn thành các thủ tục để sớm khởi công khoảng 173 km, gồm:

+ Ninh Bình - Thanh Hóa, dài 75 km

+ Dầu Dây - Phan Thiết, dài 98 km.

b) Hàng không:

- Đầu tư các công trình đảm bảo an toàn bay, an toàn khai thác như: hệ thống ILS, hệ thống AWOS, hệ thống đèn hiệu hàng không, đài VOR/DME, tường rào, đường công vụ tại các cảng hàng không, sân bay.

- Tiếp tục đầu tư các công trình tại một số cảng hàng không, sân bay: xây dựng nhà ga hành khách - cảng hàng không Vinh, đường tầng và sân đỗ ô tô - cảng hàng không Vinh, mở rộng sân đỗ máy bay - cảng hàng không Vinh, nhà ga hành khách - cảng hàng không Thọ Xuân, xây dựng đường cất hạ cánh số 2 - cảng hàng không quốc tế Cam Ranh...

c) Đường biển:

- Các bến tổng hợp

+ Xây dựng bến tổng hợp số 3 tại Vũng Áng cho tàu có trọng tải 50.000 DWT.

- + Xây dựng 1 bến Sơn Trà (Đà Nẵng), bến Kỳ Hà (Quảng Nam).
- + Xây dựng cầu cảng số 2 bến cảng Cam Ranh; cải tạo, nâng cấp chuyển đổi công năng bến Nha Trang tiếp nhận tàu khách du lịch quốc tế.
- Bến chuyên dùng
- + Bến phục vụ trung tâm nhiệt điện tại Nghi Sơn, Vũng Áng (Hà Tĩnh).
- + Hoàn thiện xây dựng bến xăng dầu tại Sơn Trà - Thọ Quang phục vụ di dời bến Nại Hiên; xây dựng bến than cho trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch.
- + Xây dựng bến kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong; bến cảng phục vụ trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân.
- Luồng tuyến
- + Cải tạo, nâng cấp luồng tàu cảng Cửa Lò đảm bảo cho tàu có trọng tải 10.000 DWT đầy tải lợi dụng mực nước ra, vào.
- + Cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Cửa Việt.
- + Cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Quy Nhơn cho tàu 30.000 DWT đầy tải.
- + Cải tạo, nâng cấp luồng tàu vào cảng Kỳ Hà, Quảng Nam.

d) Đường sắt:

- Tiếp tục đầu tư và hoàn thành dự án thay tà vẹt K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt dự ứng lực, kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 đối với ga chỉ có 2 đường trên đoạn Vinh - Nha Trang.
- Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu để đầu tư cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét, đèo Hải Vân và các dự án nhằm nâng cao hiệu quả khai thác đường sắt hiện có.
- Tiếp tục đầu tư đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Hệ thống đường địa phương: Phối hợp, hỗ trợ các địa phương đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã; từng bước cứng hóa hệ thống đường giao thông nông thôn.

3.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

Hoàn thành các dự án đã khởi công xây dựng trong giai đoạn 2012 - 2015, tùy thuộc vào điều kiện nguồn lực của đất nước để tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình quan trọng, cụ thể như sau:

- Về đường bộ:

- + Quốc lộ 1: Hoàn thành nâng cấp, mở rộng đạt quy mô 4 làn xe cơ giới, 2 làn xe hỗn hợp và các hầm lớn như: Phú Gia, Phước Tượng và Đèo Cả.
- + Tiếp tục đầu tư nâng cấp các đoạn tuyến trên các Quốc lộ 10, 217, 47, 45, 48, 48B, 48C, 7, 46, 8, 8B, 12A, 12C, 15, 15B, 15D, 9, 9B, 49, 14B, 14D, 14E, 14G, 24, 24B, 19, 25, 29, 26, 27, 27B, 28, 49B, 1D, 1C, 55, đường Trường Sơn Đông, Nghi Sơn - Bãi Trành, Lương Sơn - Đại Ninh, Nam Quảng Nam (Quốc lộ 40B),

đường Hồi Xuân - cửa khẩu Tén Tàn (Quốc lộ 15C) để tối thiểu đạt cấp III, 2 làn xe, những đoạn khó khăn đạt cấp IV, V, 2 làn xe.

+ Hoàn thành đầu tư các tuyến cao tốc: La Sơn - Tuý Loan, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Ninh Bình - Thanh Hóa, Dầu Giây - Phan Thiết.

- Về đường thủy nội địa: Tiếp tục huy động vốn nâng cấp các tuyến vận tải thủy hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Từng bước nâng cao năng lực khai thác các tuyến đường thủy hiện có.

- Về đường biển: Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cảng và luồng tàu một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải của Vùng.

- Về hàng không:

Nghiên cứu đầu tư phát triển, hoàn thiện theo Quy hoạch các cảng hàng không:

+ Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng: cấp 4E, tiếp nhận được các loại máy bay B747, B777, B767-300, A300, A320/321 và tương đương.

+ Cảng hàng không quốc tế Chu Lai: cấp 4F, tiếp nhận được các loại máy bay B777, A321 và tương đương.

+ Cảng hàng không quốc tế Phú Bài: cấp 4E, tiếp nhận được các loại máy bay B777, B767, A320/321 và tương đương.

+ Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh: cấp 4E, tiếp nhận được các loại máy bay B777, B767, B747, A320/321 và tương đương.

+ Cảng hàng không nội địa Phù Cát: cấp 4D, tiếp nhận được các loại máy bay B767, A320/321 và tương đương.

+ Cảng hàng không nội địa Tuy Hòa: cấp 4C, tiếp nhận được các loại máy bay B767-200/300, A320/321 và tương đương.

Tìm kiếm, huy động vốn ngoài ngân sách để đầu tư cho sân bay Phan Thiết mới được quy hoạch.

Nghiên cứu, quy hoạch xây dựng các sân bay phục vụ cho hoạt động bay trực thăng và máy bay cánh bằng loại nhỏ tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị đáp ứng nhu cầu phát triển và phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng và các địa phương.

- Đường sắt:

+ Tiếp tục hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có. Nghiên cứu các phương án khả thi để có kế hoạch đầu tư xây dựng phù hợp đường sắt tốc độ cao.

+ Tiếp tục huy động vốn đầu tư xây dựng đường sắt kết nối đến cảng biển, khu công nghiệp, khu mỏ và trung tâm du lịch lớn.

3.3. Nhu cầu nguồn vốn:

- Giai đoạn 2012-2015: Tổng nhu cầu vốn khoảng 79.655 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: Tổng nhu cầu vốn khoảng 100.284 tỷ đồng.

4. Giải pháp, chính sách phát triển

4.1. Giải pháp, chính sách tạo vốn đầu tư phát triển KCHTGT:

- Tích cực huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, từ các thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức khác nhau như BOT, BT, PPP; ưu tiên đầu tư một số công trình quan trọng cấp bách. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xúc tiến vận động nguồn vốn ODA, đẩy mạnh vận động các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển KCHTGT, nhất là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo ra đột phá lớn.

- Phối hợp với địa phương nhằm tăng cường huy động nguồn lực đất đai để phát triển KCHTGT thông qua khai thác quỹ đất; cho thuê quyền khai thác và chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng đường bộ.

- Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn đối ứng các dự án ODA; bố trí đủ nguồn ngân sách để đầu tư một số công trình cấp bách, đặc biệt hệ thống cầu yếu và các công trình gia cố bền vững chống sạt lở.

4.2. Giải pháp, chính sách nâng cao hiệu quả đầu tư:

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đã có nguồn vốn để sớm đưa vào khai thác sử dụng, nhất là các dự án trọng điểm.

- Trong xây dựng kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm sắp xếp thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung vốn cho các công trình có tính lan tỏa, tạo sự kết nối giữa các phương thức, giữa các công trình trong vùng.

- Phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong việc đầu tư KCHTGT thuộc thẩm quyền quản lý địa phương để khai thác đồng bộ với hệ thống KCHTGT quốc gia.

- Kết hợp đầu tư đường ven biển với đê biển.

4.3. Giải pháp, chính sách áp dụng khoa học - công nghệ:

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, định ngạch cho phù hợp với thông lệ quốc tế, các nước khu vực và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ mới; sử dụng vật liệu mới, vật liệu sẵn có, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện vùng để phát triển KCHTGT vùng.

- Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để xử lý các vấn đề kỹ thuật xuất phát từ điều kiện địa chất, thủy văn phức tạp của khu vực nhằm làm giảm giá thành nâng cao chất lượng, bền vững ổn định công trình.

- Tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với tất cả các công trình nâng cấp và xây dựng mới, tăng cường áp dụng các công nghệ giao thông thông minh để hỗ trợ và kiểm soát giao thông.

4.4. Giải pháp, chính sách phát triển nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề đồng bộ cả trong thiết kế, quản lý dự án, thi công và quản lý.

4.5. Giải pháp chính sách tăng cường công tác quản lý bảo trì hệ thống KCHTGT: Dành phần vốn thích đáng cho công tác quản lý bảo trì.

4.6. Giải pháp, chính sách bảo vệ môi trường:

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện đánh giá tác động môi trường các dự án phát

triển KCHTGT, đặc biệt là các dự án đường cao tốc, cảng biển đi qua các khu vực bảo tồn; thực hiện tốt công tác giám sát quản lý môi trường và tăng cường kiểm tra thường xuyên bảo vệ môi trường đối với các đơn vị xây dựng, sản xuất, kinh doanh giao thông vận tải.

- Kiểm soát chất lượng phương tiện và nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; khuyến khích sử dụng phương tiện và nhiên liệu sạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành triển khai định hướng và kế hoạch phát triển GTVT vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định này.

- Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông phối hợp Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ và các đơn vị liên quan sử dụng hiệu quả quỹ bảo trì đường bộ để nâng cao tuổi thọ và chất lượng khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có.

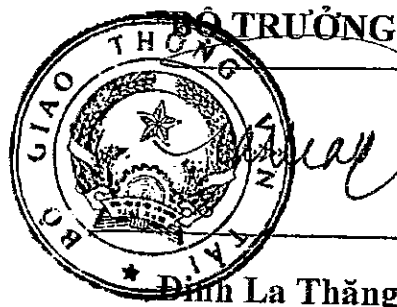
- Các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung theo chức năng của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Các Cục trưởng chuyên ngành, Giám đốc các Sở GTVT tỉnh, thành phố thuộc vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, TN&MT;
- UBND các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung;
- Các Thứ trưởng;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu VT, KHĐT (08).



PHỤ LỤC
Danh mục các dự án ưu tiên triển khai
vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung giai đoạn 2012 - 2015

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến hoàn thành |
|----------|---|--------------------|
| I | Đường bộ | |
| | Quốc lộ | |
| 1 | Quốc lộ 1 | 2015-2016 |
| 2 | Quốc lộ 7 | |
| | - Đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn | 2015 |
| | - Đoạn Tây Đô Lương - Khe Thơi và nối từ Diễn Châu - Bãi biển Diễn Thành | 2015 |
| 3 | Quốc lộ 8 | |
| | - Km0 - Km34 | 2015 |
| | - Cải tạo nâng cấp đoạn Km37 - Km85+300 | 2015-2016 |
| 4 | Quốc lộ 12C | |
| | - Đoạn Vũng áng - Quốc lộ 1 | 2015 |
| 5 | Quốc lộ 12A | |
| | - Đoạn Rào Trỏ - Xóm Sung, Khe Ve - Cha Lo, đoạn tránh nhà máy xi măng sông Giang | 2015 |
| 6 | Quốc lộ 15 | |
| | - Cầu Linh Cảm | 2015 |
| | - Cải tạo nâng cấp đoạn nối TP Hà Tĩnh - Đường Hồ Chí Minh, Phúc Đồng) | 2015 |
| | - Cải tạo nâng cấp đoạn tránh ngập thủy điện Hồi Xuân thuộc dự án Quốc lộ 15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa; Đoạn qua khu di tích Trùng Bồn (5 km) | 2016 |
| 7 | Quốc lộ 45 | |
| | - Cải tạo Km80+656 - Km111+400 (bao gồm cả Cầu Vay Km90+105); Km47 - Km51 | 2015 |
| 8 | Quốc lộ 46 | |
| | - Đoạn kéo dài: tránh thành phố Vinh nối Quốc lộ 1 | 2015 |
| 9 | Quốc lộ 47 | |
| | - Nâng cấp đoạn Km0 - Km19+900; Km19+900 - Km31+260 | 2015-2016 |
| 10 | Nghi Sơn - Bãi Trành | |
| | - Hoàn thành nâng cấp, xây dựng tuyến Nghi Sơn - Đường Hồ Chí Minh | 2015 |
| 11 | Quốc lộ 10 | |
| | - Đoạn Ninh Phúc - cầu Điền Hộ | 2015 |
| 12 | Quốc lộ 49 | |
| | - Đoạn Km65- Km78 | 2015 |

| STT | Danh mục công trình | Dự kiến hoàn thành |
|------------|---|--------------------|
| 13 | Quốc lộ 49B | |
| | - Mở rộng nâng cấp đoạn Km73+400 - Km93+200 | 2015-2016 |
| 14 | Quốc lộ 14E | |
| | - Cải tạo nâng cấp Km8+700 - Km89+432 | 2015 |
| 15 | Quốc lộ 24 | |
| | - Đoạn Km0 - Km32; đoạn tránh đèo Măng Đen | 2015-2016 |
| 16 | Quốc lộ 25 | |
| | - Cải tạo, nâng cấp đoạn Km21+600 - Km113 | 2015 |
| 17 | Quốc lộ 28 | |
| | - Kiên cố hóa chống sụt trượt khắc phục hậu quả bão lũ | 2015 |
| 18 | Quốc lộ 1D | |
| | - Nâng cấp mở rộng đoạn Ngã Ba Phú Tài - bến xe liên tỉnh | 2015 |
| 19 | Quốc lộ 1C | |
| | - Đoạn qua đèo Rù Rì | 2015 |
| 20 | Quốc lộ 55 | |
| | - Đoạn Km96+300 - Km205+140 | 2015 |
| 21 | Nâng cấp cải tạo tuyến Lương Sơn - Đại Ninh | 2015 |
| | Cao tốc | |
| 22 | Ninh Bình - Thanh Hoá | Trước 2020 |
| 23 | Cao tốc La Sơn (Huế) - Túy Loan (Đà Nẵng) | 2017 |
| 24 | Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi | 2015 |
| 25 | Cao tốc Dầu Dây - Phan Thiết | Trước 2020 |
| II | Đường sắt | |
| 1 | Dự án gia cố các hầm yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | 2015 |
| 2 | Dự án Lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông trên các tuyến đường sắt theo Quyết định số 1856/QĐ-TTg. | 2015 |
| 3 | Thay tà vẹt K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt dự ứng lực, kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 đối với ga chỉ có 2 đường trên đoạn Vinh - Nha Trang | 2015 |
| III | Hàng không | |
| 1 | Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh: xây dựng đường cất hạ cánh số 2 | 2015 |
| 2 | Cảng hàng không Vinh: xây dựng nhà ga hành khách, đường tầng và sân đỗ ô tô, mở rộng sân đỗ máy bay . | 2015 |
| 3 | Cảng hàng không Thọ Xuân: xây dựng nhà ga hành khách. | 2015 |
| IV | Đường biển | |
| 1 | Nâng cấp luồng vào cảng Cửa Lò | 2015 |
| 2 | Cải tạo nâng cấp luồng vào cảng Cửa Việt | 2015 |